

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: 79/2017/HS-ST
Ngày: 02-8-2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm: Ông Đinh Công Trường
Bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2017/HSST ngày 04/4/2017 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Trung P**, sinh năm 1979 tại Cao Bằng; trú tại: Tổ x, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Trung D và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Đỗ Thị B và 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang chấp hành thời gian cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục lao động và dạy nghề tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. **Nguyễn Văn Đ** (tên gọi khác là Đ chín Tháo), sinh năm 1985 tại Đồng Nai; trú tại: Ấp Z, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Đ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm ngày 15/4/2017 trong một vụ án khác (có mặt).

3. **Lê Đức T**, sinh năm 1984 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; trú tại: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê Đức T và bà Cao Thị C; có vợ là Trần Thị N và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm ngày 21/4/2017 trong một vụ án khác (có mặt).

4. **Diệp Ngọc Anh K** (tên gọi khác là T Xâm), sinh năm 1990 tại An Giang; trú tại: Số F khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; chỗ ở: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Diệp Ngọc Quốc K (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh N; có vợ là Lê Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm ngày 19/10/2016 trong một vụ án khác (có mặt).

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1987; trú tại: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1995; trú tại: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958; trú tại: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1987; trú tại: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Trung P, Nguyễn Văn Đ, Lê Đức Th và Diệp Ngọc Anh K bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 03/8/2016, Nguyễn Trung P đến thuê phòng số 06 tại nhà nghỉ “H” thuộc ấp P, xã M, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để ngủ qua đêm. Đến 23 giờ cùng ngày, P xuống quầy lễ tân của nhà nghỉ để mua nước uống thì gặp Nguyễn Văn Đ đang thuê phòng số 01 tại đây để ở cùng bạn gái là Nguyễn Thị Kim H. Do có quan hệ bạn bè từ trước nên một lúc sau Đ lên phòng của P để xin lửa hút thuốc, tại đây P rủ Đ đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài nhưng Đ không đồng ý và quay về phòng. Lúc này, P đi ra ngoài lan can và quan sát xuống phía dưới thấy xe mô tô hiệu Vision màu trắng biển kiểm soát 72G1-30604 của chị Phạm Thị Thùy L dựng phía trước phòng của Đ để lấy nên quyết định sẽ lấy trộm chiếc xe này.

Đến 08 giờ ngày 04/8/2016, P xuống phòng của Đ gọi Đ dậy và nói cho Đ biết việc mình sẽ trộm cắp xe máy và dặn Đ ra ngã ba ấp P, xã M đứng chờ P để P đưa xe mình trộm được cho Đ đi bán giúp. Đ đồng ý và trả phòng rồi cùng H đi ra ngã ba ấp P chờ P. Sau đó một lúc không thấy P ra nên Đ cùng bạn gái đi về. Sau khi Đ rời khỏi nhà nghỉ, P quay lại phòng để ngủ. Khoảng 10 giờ cùng ngày, P xuống lấy trộm chiếc xe Vision trên, dắt bộ xe ra điểm hẹn với Đ nhưng không thấy Đ nên P tháo dây khóa điện rồi điều khiển xe đi chơi. Đến 16 giờ, P gọi điện báo cho Đ biết mình đã trộm được xe và nhờ Đ đưa đi bán. Đ nhận xe từ P rồi liên lạc với Lê Đức T để bán xe, T bảo Đ đưa xe đến nhà T. Khi Đ đến, T gọi điện cho Diệp Ngọc Anh Kt (T Xâm) đến xem xe và thay T trả tiền cho Đ. Khi mua xe, T biết là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 5.000.000

đồng. Sau khi mua được xe, T cho K mượn sử dụng. Quá trình sử dụng, K thấy xe còn mới nên hỏi mua, T đồng ý và bán xe cho K với giá 6.000.000 đồng. Do trước đó K có một giấy chứng nhận đăng kí xe hiệu Vision nên đã sơn xe từ màu trắng sang màu đen, mua biển số giả, đục lại số khung, số máy của xe cho phù hợp với giấy đăng kí xe mình đang có. Ngày 21/8/2016, K đã bán chiếc xe trên cho anh Phạm Văn H với giá 15.000.000 đồng, sau đó anh H bán lại cho một người lạ (không rõ nhân thân) với giá 15.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 129/KL-HĐĐG-TTHS ngày 01/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Thành đã xác định chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision màu trắng, biển kiểm soát 72G1-306.04 có trị giá 30.600.000 đồng.

Qua điều tra xác định Nguyễn Thị Kim H không biết P và Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe trên nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Phạm Văn H khi mua xe của K không biết đó là tài sản do K lấy trộm mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi đục số khung, số máy xe mô tô Honda Vision, biển kiểm soát 72G1-306.04 của Diệp Ngọc Anh K, hiện nay Cơ quan điều tra chưa thu giữ được phương tiện liên quan đến vụ án nên chưa có cơ sở để xử lý.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thành đã ra Thông báo truy tìm vật chứng đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát 72G1-306.04 nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

Ngày 30/12/2016, Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng. Ngày 22/02/2017, Lê Đức T đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Thành Đ, chủ nhà nghỉ “H” đã hỗ trợ cho chị Phạm Thị Thùy L số tiền 15.000.000 đồng. Chị Lyêu cầu P, Đ, T, K phải bồi thường trị giá chiếc xe là 30.600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 43/KSĐT-TA ngày 31/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Trung P, Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; truy tố Lê Đức T, Diệp Ngọc Anh K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở việc hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng được diễn ra công khai, dân chủ và không bị hạn chế,

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Trung P, Nguyễn Văn Đ khai nhận vào ngày 04/8/2016 các bị cáo đã cùng nhau thống nhất và thực hiện hành vi lấy trộm tài sản là 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 72G1-30604 tại nhà nghỉ “H” và việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là đúng.

Các bị cáo Lê Đức T, Diệp Ngọc Anh K khai nhận mặc dù các bị cáo biết rõ tài sản mà bị cáo Đ bán là do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua lại chiếc xe trên và việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành truy tố các bị cáo về tội

“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự là đúng.

Quan điểm luận tội của Viện kiểm sát:

Giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung P mức án từ 18 đến 24 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 ; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án từ 12 đến 18 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Lê Đức T mức án từ 09 đến 12 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 ; Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Diệp Ngọc Anh K mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt của bản án hình sự số 29/2017/HSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền 1.500.000 đồng do các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Đức T giao nộp.

Các bị cáo không có ý kiến gì về quan điểm luận tội của Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG:

[1] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hay phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung; những tài liệu, chứng cứ và các quyết định tố tụng do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trung P, Nguyễn Văn Đ (Đ chín Tháo), Lê Đức T và Diệp Ngọc Anh K (T Xâm) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và lời khai của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trung P, Nguyễn Văn Đ (Đ chín Tháo) đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự;

Hành vi của các bị cáo Lê Đức T, Diệp Ngọc Anh K (T Xâm) đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự;

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có tổ chức mà chỉ tham gia với vai trò là đồng phạm giản đơn, tuy nhiên để có cơ sở khi quyết định hình phạt cần xem xét, đánh giá đến vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo như sau:

- Về hành vi trộm cắp tài sản:

Đối với bị cáo Nguyễn Trung P là người có vai trò chính trong vụ án. Chính bị cáo đã khởi xướng, rủ rê lôi kéo bị cáo Đ đồng thời cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản. Mặt khác bị cáo là người có nhân thân rất xấu, từ năm 1996 đến năm 2001 đã 05 lần bị Tòa án nhân dân các cấp của tỉnh Cao Bằng xử phạt tù về những hành vi vi phạm pháp luật, mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cảnh tỉnh bản thân mà lại tiếp tục phạm tội mới. Do đó đối với bị cáo cần phải có một mức hình phạt tù cao hơn so với các bị cáo khác trong cùng vụ án.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo nên cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ tham gia trong vụ án với vai trò là đồng phạm. Khi được bị cáo P rủ rê, lôi kéo vào việc lấy trộm tài sản thì chính bị cáo cũng đồng ý và sau đó đã đem tài sản mà bị cáo P lấy trộm được bán cho Lê Đức T. Mặt khác bị cáo là người có nhân thân rất xấu, đã từng 02 lần vi phạm pháp luật hình sự và bị xử phạt tù, mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cảnh tỉnh bản thân mà lại tiếp tục phạm tội mới. Do đó cần phải có một mức hình phạt tù thật nghiêm khắc để nhắc nhở đối với bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã tự nguyện nộp lại 500.000 đồng tiền do bán tài sản phạm tội mà có để trả cho bị hại; bị cáo có mẹ ruột là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên cần áp dụng các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có:

Đối với bị cáo Lê Đức T mặc dù biết rõ tài sản bị cáo Đ đem bán là do phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn đồng ý mua và sau đó đã bán lại cho Diệp Ngọc Anh K để lấy tiền chênh lệch. Do đó cũng cần phải có mức hình phạt tù thật nghiêm khắc để nhắc nhở, giáo dục đối với bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã tự nguyện nộp lại 1.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính nên cần áp dụng điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Diệp Ngọc Anh K là người trực tiếp được bị cáo T gọi đến xem xe và hoàn toàn biết được tài sản bị cáo Đ đem bán là do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn thay mặt T trả tiền cho bị cáo Đ. Sau đó chính bị cáo đã mua lại chiếc xe trên từ bị cáo T và tiếp tục có hành vi sơn lại màu xe, mua biển số giả, đục lại số khung, số máy cho phù hợp với giấy đăng ký xe mình đang có để bán lại cho người khác. Do đó bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo nên cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra xét thấy tại bản án hình sự số 29/2017/HSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã xử phạt bị cáo K 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy cần áp dụng Điều 51 của Bộ luật hình sự để tổng hợp với hình phạt của bản án nêu trên đối với bị cáo.

[3] Trách nhiệm dân sự:

Đối với chị Phạm Thị Thùy L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có yêu cầu chủ nhà nghỉ “H” phải có trách nhiệm trong việc để mất chiếc xe của chị L, đồng thời cũng yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 30.600.000 đồng.

Xét yêu cầu của chị L nêu trên là chính đáng và tại phiên tòa đã được ông Nguyễn Thành Đ, chủ nhà nghỉ “H” đồng ý bồi thường cho chị L toàn bộ số tiền 30.600.000 đồng nên ghi nhận. Cụ thể ông Đ phải tiếp tục bồi thường cho chị L số tiền là 30.600.000 đồng – 15.000.000 đồng (số tiền chị L đã nhận của ông Đ trước đây) = 15.600.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thành Đ về việc buộc các bị cáo P, Đ phải bồi thường lại số tiền 30.600.000 đồng mà ông Đ đã phải trả cho chị L thì tại phiên tòa đã được các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường nên ghi nhận. Cụ thể mỗi bị cáo tự nguyện bồi thường cho ông Đ số tiền là 15.300.000 đồng.

[4] Xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 500.000 đồng bị cáo Đ giao nộp là tiền được hưởng lợi do bán tài sản chiếm đoạt được mà có nên cần trả lại cho ông Nguyễn Thành Đ để khấu trừ vào phần nghĩa vụ mà bị cáo Đ phải thi hành; đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo T giao nộp là tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Riêng đối với hành vi đục số khung, số máy xe mô tô biển kiểm soát 72G1-306.04 của Diệp Ngọc Anh K thì hiện nay cơ quan điều tra chưa thu giữ được chiếc xe nêu trên nên vẫn đang tiếp tục xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung P, Nguyễn Văn Đ (Đ chín Tháo) phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Lê Đức T, Diệp Ngọc Anh K (T Xâm) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ (Đ chín Tháo) 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/4/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Diệp Ngọc Anh K (T Xâm) 10 (mười) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, buộc bị cáo Diệp Ngọc Anh K (T Xâm) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (tám) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 585 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thành Đ về việc tiếp tục bồi thường cho bà Phạm Thị Thùy L số tiền 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Nguyễn Trung P, Nguyễn Văn Đ về việc mỗi người bồi thường cho ông Nguyễn Thành Đ số tiền 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Nguyễn Thành Đ số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) do bị cáo Nguyễn Văn Đ giao nộp để khấu trừ vào phần nghĩa vụ dân sự mà bị cáo Đ phải thi hành.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) do bị cáo Lê Đức T giao nộp.

Toàn bộ số tiền nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 36 ngày 03/4/2017.

Về án phí: Áp dụng các Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Các bị cáo Nguyễn Trung P, Nguyễn Văn Đ, Lê Đức T và Diệp Ngọc Anh K mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo Nguyễn Trung P, Nguyễn Văn Đ mỗi người phải chịu 765.000 đồng (bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 780.000 đồng (bảy trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm (đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai).

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Thành;
- Công an huyện Tân Thành;
- THADS huyện Tân Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Minh Nghĩa

